

Số: /2021/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 12 năm 2021

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ  
doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm,  
hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015  
(sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019);*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015  
(sửa đổi, bổ sung năm 2020);*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 05  
năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện  
Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản  
phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương  
trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa  
giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số .../BC-  
HĐND ngày .... tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân  
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Chương trình 1322). Những nội dung khác có liên quan không được quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan khi tham gia thực hiện Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Nội dung chi và mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng**

1. Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng

a) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Áp dụng định mức chi quy định tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi nhuận bút, thù lao cho người viết tin, bài đã đăng, phát trên Tờ tin, Đặc san, Đài truyền thanh, Trạm Truyền thanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, băng điện tử): Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

c) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Áp dụng định mức chi quy định tại Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

d) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng: Áp dụng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

đ) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Điều 3. Nội dung chi và mức chi thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng**

1. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi tổ chức các khóa đào tạo: Tổ chức các khóa đào tạo đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Áp dụng định mức chi quy định tại Nghị quyết 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Thuê chuyên gia, giảng viên trong nước tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước; thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định mức chi trả cụ thể cho chuyên gia trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

**Điều 4. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế**

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND.

**Điều 5. Nội dung chi và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322**

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND.

2. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND.

3. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322: Áp dụng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND.

4. Các khoản chi khác (văn phòng phẩm, tiền điện, nước, thông tin liên lạc,...) phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Chương trình 1322: Thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

a) Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

b) Tập thể và cá nhân thực hiện tốt các dự án năng suất chất lượng được đề xuất khen thưởng khi kết quả thực hiện đạt loại khá, xuất sắc và kết quả được đưa vào ứng dụng trong sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả thiết thực, được đơn vị ứng dụng xác nhận bằng văn bản và Hội đồng Khoa học công nghệ tỉnh xem xét chấp thuận. Mức khen thưởng loại xuất sắc là 30.000.000 đồng; loại khá là 15.000.000 đồng.

c) Chi hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương và Giải vàng Chất lượng quốc gia là 30.000.000 đồng, đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia là 15.000.000 đồng.

**Điều 6. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng đổi mới, chuyển giao và ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng, ứng dụng các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế.**

Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình sản xuất, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt, thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế: Mức hỗ trợ bằng 50% kinh phí thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND.

### **Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của địa phương theo phân cấp hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày .... tháng 12 năm 2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Tiến Hải**